

Số: **1065/QĐ-UBND**Thừa Thiên Huế, ngày **27** tháng 4 năm 2019**QUYẾT ĐỊNH****Về việc phê duyệt Phương án chuyển Công ty trách nhiệm hữu hạn nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế thành công ty cổ phần****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 ngày 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 07/2018/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng lao động và thực hiện chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 ngày 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh

ng nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp nhà nước hoàn thành cổ phần hóa theo từng năm giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Biên bản ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế về việc thẩm định phương án cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế để thực hiện cổ phần hóa;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo cổ phần hoá Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế tại Công văn số 707/BCĐCPH ngày 28 tháng 3 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cổ phần hoá chuyển Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế thành công ty cổ phần với các nội dung chính sau:

1. Hình thức cổ phần hoá: Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

2. Loại hình cổ phần hoá: Cổ phần hoá trong đó Nhà nước nắm giữ trên 65% vốn điều lệ.

3. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: Công ty cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế.

4. Tên giao dịch quốc tế: THUA THIEN HUE MINERALS JOINT STOCK COMPANY.

5. Tên viết tắt: HUMEXCO.

6. Trụ sở chính: Số 53 đường Nguyễn Gia Thiều, phường Phú Hậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Công ty cổ phần có:

- Tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Thực hiện chế độ hoạch toán độc lập.

- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của công ty cổ phần và Luật doanh nghiệp, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

8. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai khoáng khác, chi tiết:

+ Khai thác quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile).

+ Khai thác các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp.

- Sản xuất khác, chi tiết:

+ Chế biến quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile).

+ Chế biến các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp.

- Khai thác quặng sắt.

- Sản xuất sắt, thép, gang.

Chi tiết: Chế biến sắt, sắt hợp kim.

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết:

+ Bán buôn quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile).

+ Bán buôn sắt thép, sắt hợp kim.

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.

- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá.

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Chi tiết: Bán buôn các loại đá, cát, sỏi, đất sét.

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Chi tiết: Bán buôn thiết bị vật tư sản xuất công nghiệp.

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

Chi tiết: Bán buôn hàng tiêu dùng cho gia đình.

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, chi tiết:

+ Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò.

+ Dịch vụ phân tích và thử nghiệm (VILAS 286).

- Bán buôn chuyên doanh khác.

Chi tiết: Bán buôn các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp.

9. Nhà đầu tư chiến lược: không.

10. Vốn Điều lệ: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng), tương ứng với 15.000.000 (Mười lăm triệu) cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

11. Cơ cấu phát hành lần đầu như sau:

- Số cổ phần Nhà nước tham gia: 9.825.000 cổ phần, chiếm 65,5% vốn điều lệ.



- Số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong Công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 ngày 11 năm 2017 của Chính phủ: 270.200 cổ phần, chiếm 1,8% vốn điều lệ.

- Số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong Công ty theo quy định tại khoản 2 điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 ngày 11 năm 2017 của Chính phủ: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- Số cổ phần bán cho tổ chức công đoàn tại Công ty: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- Số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

- Số cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường: 4.904.800 cổ phần, chiếm 32,7% vốn điều lệ.

Trường hợp không bán hết cổ phần thì được xử lý theo quy định của Nhà nước (Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 ngày 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần, và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính có liên quan).

12. Phương thức bán cổ phần:

Bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường trước và bán ưu đãi cho người lao động sau. Giá bán cổ phần cho các nhà đầu tư thông thường và bán ưu đãi cho người lao động: thực hiện theo quy định của Nhà nước.

13. Bán đấu giá cổ phần lần đầu:

- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phương thức thực hiện đấu giá: Tổ chức bán đấu giá công khai trước cho các nhà đầu tư.

- Kế hoạch, thời gian tổ chức bán đấu giá công khai và các công việc khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

14. Giá khởi điểm chào bán số cổ phần bán đấu giá lần đầu cho các nhà đầu tư thông thường: 11.700 đồng/01 cổ phần (Mười một nghìn, bảy trăm đồng/một cổ phần).

15. Đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá chào bán số cổ phần bán đấu giá lần đầu cho các nhà đầu tư thông thường: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

16. Phương án sắp xếp lao động:

- Tổng số lao động có đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (26/12/2018): 175 người.

- Tổng số lao động sẽ nghỉ hưu tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (26/12/2018): 0 người.

- Tổng số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (26/12/2018): 06 người.

Trong đó:

+ Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ: 05 người;

+ Số lao động phải chấm dứt Hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm: 01 người;

- Tổng số lao động sẽ chuyển sang tiếp tục làm việc tại công ty cổ phần: 169 người.

17. Phương án quản lý, sử dụng đất sau cổ phần hóa đối với các khu đất Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế đang quản lý, sử dụng:

- Thực hiện theo Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017.

Riêng Khu đất tại số 53 đường Nguyễn Gia Thiều, phường Phú Hậu, thành phố Huế thực hiện như sau:

+ Điều chỉnh thời hạn cho thuê Khu đất tại số 53 đường Nguyễn Gia Thiều nêu tại Khoản 1 Phụ lục Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế: Nhà nước cho thuê đất đến ngày Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

+ Sau khi Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động giao Sở Tài chính lập thủ tục thu hồi Khu nhà đất tại số 53 đường Nguyễn Gia Thiều giao Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh quản lý.

+ Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm lập Phương án cho thuê cơ sở nhà đất số 53 đường Nguyễn Gia Thiều gửi Sở Tài chính thẩm định báo cáo UBND tỉnh phê duyệt.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế có trách nhiệm rà soát, hoàn chỉnh các thủ tục về đất đai đối với các cơ sở nhà đất trước khi doanh nghiệp chuyển sang công ty cổ phần; tổ chức quản lý, sử dụng tài sản, đất đai theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước; việc chuyển nhượng, chuyển đổi, thay đổi mục đích sử dụng đất phải được sự chấp thuận bằng văn bản của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

18. Chi phí cổ phần hóa và kinh phí trợ cấp lao động dôi dư:

Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế quyết định và chịu trách nhiệm về các khoản chi phí thực tế cần thiết phục vụ cho quá trình cổ phần hóa công ty theo dự toán được duyệt và quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện quyết toán kinh phí lao động dôi dư theo chế độ Nhà nước quy định.

19. Số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị thực tế doanh nghiệp và số tiền Quỹ khen thưởng, phúc lợi



Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế có trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp theo đúng các quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Bãi bỏ nội dung quy định về thời hạn thuê đất còn lại của Khu đất tại số 53 đường Nguyễn Gia Thiều, phường Phú Hậu, thành phố Huế quy định tại Khoản 1 Phụ lục Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 2635/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nơi nhân:

- Như Điều 4;
- Ban Chỉ đạo ĐM và PTDN;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- Tổng Cty Đầu tư Xây dựng ĐM
- Các PCVP UBND tỉnh: CV
- Lưu: VT, DN.

CHÍNH THỨC BÀN SÀO ĐÙNG VỚI BAN CHỈNH

Số chứng thực:..... 44. Quyền số..... 4. - SCT/08

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương

08 -05- 2019

CHI TIẾT UBND PHƯỜNG PHÚ HẬU

Tỉnh Thị Thanh Huyện

BẢN SAO

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3016/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 12 năm 2018

TY TNHH MTV KHOÁNG SẢN TT. HUẾ

ĐẾN 06/63 Ngày 28/12/18
Chuyên

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty
trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp nhà nước hoàn thành cổ phần hóa theo từng năm giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế Công văn số 3269/BCĐCPH ngày 14 tháng 12 năm 2018; Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế về việc xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 để thực hiện cổ phần hoá,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:

1. Phê duyệt giá trị đơn vị tại thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế để thực hiện cổ phần hoá như sau:

- Giá trị thực tế của đơn vị: 275.394.937.636 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm tỷ, ba trăm chín mươi tư triệu, chín trăm ba mươi bảy ngàn, sáu trăm ba mươi sáu đồng).

- Nợ phải trả của đơn vị: 142.878.346.408 đồng (Một trăm bốn mươi hai tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi sáu ngàn, bốn trăm lẻ tám đồng).

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại đơn vị: 132.516.591.228 đồng (Một trăm ba mươi hai tỷ, năm trăm mười sáu triệu, năm trăm chín mươi một ngàn, hai trăm hai mươi tám đồng).

2. Tổ chức tư vấn định giá là Chi nhánh Công ty cổ phần Tư vấn Dịch vụ về tài sản bất động sản DATC tại thành phố Huế chịu trách nhiệm về kết quả xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại khoản 7 Điều 12 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

Điều 2. Giá trị tài sản và nợ phải thu khó đòi không đưa vào giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2017 để cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế tính theo giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán là 5.104.441.119 đồng, gồm:

1. Tài sản cố định:

- Tài sản không cần dùng là phương tiện vận tải: 1.302.483.355 đồng.

- Tài sản chờ thanh lý là máy móc thiết bị: 2.909.679.764 đồng.

(Có Phụ lục 01 chi tiết kèm theo)

2. Công nợ không có khả năng thu hồi: 883.340.000 đồng.

(Có Phụ lục 02 chi tiết kèm theo)

3. Tài sản cố định là Nhà cửa, vật kiến trúc tại địa chỉ số 53 đường Nguyễn Gia Thiều thành phố Huế mà Nhà nước thu hồi: 8.938.000 đồng.

(Có Phụ lục 03 chi tiết kèm theo)

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan:

1. Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế

- Căn cứ vào giá trị thực tế doanh nghiệp được xác định tại Điều 1 Quyết định này thực hiện các công việc tiếp theo để cổ phần hóa.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng phương án cho Công ty thuê lại tài sản đã loại ra ghi tại khoản 3 Điều 2 Quyết định này theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chỉ đạo Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế bàn giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam tài sản cố định

và công nợ phải thu khó đòi ghi tại khoản 1 và 2 Điều 2 Quyết định này theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế có trách nhiệm tiếp tục quản lý tài sản và nợ phải thu khó đòi loại ra khỏi giá trị đơn vị nêu tại Điều 2 Quyết định này cho đến khi bàn giao theo quy định hiện hành.

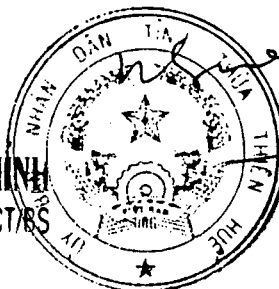
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Thành viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh, các Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Công thương, Giám đốc Công ty Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban Chỉ đạo ĐM và PTDN;
- Bộ Tài chính;
- TVTU, TT HEND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Tổng Cty Đầu tư và KD vốn Nhà nước;
- VP: CVP và các
- Lưu: VT, TH, DN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



CHỨNG THỰC BAN SÀO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 62/L Quyển số: 01 - SCT/BS

08-05-2019



CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHÚ HẬU

Nguyễn Văn Phương

Dăng Thị Thanh Huyền

Phụ lục 01



**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
RHOANG SAN THỪA THIÊN HUẾ KHÔNG CẦN DỪNG, CHỜ THANH LÝ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Kèm theo Quyết định số 3016 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2018 của UBND tỉnh)

TT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách (đồng)		
					Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	Tài sản không cần dùng						
I	Phương tiện vận tải				3.607.668.080	2.305.184.725	1.302.483.355
1	Xe 08 chỗ Toyota Landcruise GX 4.5 Model FZJ100L - GNMNKV	chiếc	1	01/01/2001	815.407.000	815.407.000	0
2	Xe Chevrolet Captiva	chiếc	1	01/01/2008	539.315.625	539.315.625	0
3	Xe đưa đón công nhân THACO UNIVERSE HB120S, 47 chỗ	chiếc	1	29/02/2012	2.252.945.455	950.462.100	1.302.483.355
B	Tài sản chờ thanh lý						
I	Máy móc thiết bị				15.641.410.784	12.731.731.020	2.909.679.764
1	Trạm điện xưởng nghiền đá Dạ Lê đã di dời	ht	1	01/01/2003	134.467.000	134.467.000	0
2	Trạm biến áp 630KVA Huế đã di dời	ht	1	01/12/2003	350.000.000	350.000.000	0
3	03 bộ bơm cát Metso	ht	3	20/07/2008	804.540.000	804.540.000	0
4	Trạm biến áp mở Vinh Xuân đã di dời	ht	2	30/09/2008	1.919.505.941	1.919.505.941	0
5	Trạm biến áp mở Điền Hải đã tháo dỡ cất kho	ht	2	30/11/2008	2.295.190.082	2.295.190.082	0
6	Trạm biến áp Lộc Vĩnh (1 máy đang ở cột, 1 máy dời đang ở kho)	ht	2	16/04/2009	2.274.820.979	2.193.577.379	81.243.600
7	Trạm điện Điền Hải và Vinh Xuân giai đoạn 2 (dời từ trạm 630 KVA của Xưởng Huế và dời từ trạm 180KVA của Xưởng Dạ Lê).	ht	2	29/10/2009	632.524.545	632.524.545	0
8	Trạm điện Điền Hải và Vinh Xuân giai đoạn 3.	ht	2	25/01/2010	602.207.273	595.038.173	7.169.100
9	Trạm biến áp Quảng Lợi 1 (di dời từ Vxun).	ht	1	01/09/2011	791.406.820	649.363.200	142.043.620
10	Trạm biến áp Phong Hải 11&12.	ht	2	25/10/2011	937.359.586	691.864.200	245.495.386
11	Trạm biến áp Quảng Lợi 2 (di dời từ trạm Phú Diên).	ht	1	01/01/2012	641.893.072	458.496.000	183.397.072
12	Trạm điện Quảng Lợi 3.	ht	1	07/01/2012	676.077.093	422.550.000	253.527.093

TT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Năm sử dụng	Giá trị sổ sách (đồng)		
					Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
13	Nâng cấp Quảng Lợi 3; trạm biến áp và đường dây Q.Lợi 4&5 (di dời 2 trạm từ Phong Hải).	ht	2	12/06/2012	801.188.179	459.013.500	342.174.6
14	Trạm biến áp Vinh Xuân 6 (di dời 2 trạm Phong Hải), Trạm di dời 8.	ht	2	19/06/2013	966.834.076	345.297.000	621.537.0
15	Trạm biến áp Vinh Xuân 7 (di dời 1 trạm của Phong Hải).	ht	1	26/07/2013	260.628.892	89.978.300	170.650.5
16	Trạm biến áp Điện Hòa 1: 02 máy từ QL4, trạm di dời 11.	ht	2	01/06/2015	494.986.536	97.965.900	397.020.6
17	Trạm biến áp Điện Hòa 2, trạm di dời 12.	ht	2	01/06/2016	502.026.710	36.605.800	465.420.9
18	Máy tuyến điện (2 máy)	ht	2	01/01/1996	126.090.000	126.090.000	
19	Máy tuyến từ, tuyến điện (02 tuyến từ, 01 tuyến điện)	ht	3	01/01/1999	289.301.000	289.301.000	
20	Máy tuyến từ, tuyến điện (02 tuyến từ, 01 tuyến điện)	ht	3	01/01/2001	140.363.000	140.363.000	
	TỔNG CỘNG				19.249.078.864	15.036.915.745	4.212.163.11



Phụ lục 02

**CÔNG NỢ KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG THU HỒI CÔNG TY TNHH
NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Kèm theo Quyết định số 3016 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2018 của UBND tỉnh)

TT	Tên khách nợ	Giá trị sổ sách (đồng)	
		Số tiền	Ghi chú
	Phải thu		
1	Doanh nghiệp tư nhân Trần Quang	883.340.000	



Phụ lục 03

TÀI SẢN CÔNG ĐÌNH LÃNH CỬA, VẬT KIẾN TRÚC TẠI 53 NGUYỄN GIA THIỀU, THÀNH PHỐ HUẾ
CỦA CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ NHÀ NƯỚC THU HỒI

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017

Kiểm theo Quyết định số 3016 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2018 của UBND tỉnh)

TT	Tên, đặc điểm tài sản	ĐVT	Số lượng	Thẻ kho	Thời điểm tăng TS	Giá trị theo sổ sách		
						Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8
I	NHÀ CỬA VẬT, KIẾN TRÚC:							
1	Nhà sản xuất chính xưởng Huế			0001	30/11/2004	956.484.545	956.484.545	0
1.1	Nhà sản xuất chính xưởng Huế (Xưởng tuyển từ + tuyển điện 1) khung cột thép tiền chế loại khung 01 nhịp thông, móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột kèo là các cấu kiện tổ hợp sắt I có bề cao tiết diện kiểu vát liên kết bằng bulon, giằng kèo bằng sắt tròn đặc, xà gỗ, thanh chống đỉnh tường và dầm tường sắt C liên kết bulon và liên kết hàn, tường xây gạch quét vôi cao 1,5m, phần trên bao che tôn sóng màu khung sắt C, cửa đi bằng cửa cuốn tôn, cửa sổ lát khung sắt kính, nền bê tông, mái dốc 2 mái lợp tôn sóng màu, đỉnh mái có kết cấu hồ tạo khe thoát	m ²	1.073,60					
1.2	Mái che khu vực tuyển từ móng cột BTCT, cột gồm nhiều thanh sắt C ghép bằng liên kết hàn, vì kèo sắt V liên kết hàn, xà gỗ sắt C, nền xi măng, mái lợp tôn sóng màu	m ²	130					
2	Nhà bao che lò sấy quặng xưởng Huế (Nhà lò sấy) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột sắt ống tròn, vì kèo sắt V liên kết hàn, giằng kèo bằng khung sắt V liên kết hàn, xà gỗ sắt C, tường hai đầu hồi xây gạch quét vôi, tường hai bên xây gạch quét vôi cao 1,5m, trên bao che tôn khung sắt V, nền bê tông, mái tôn	m ²	321,7	0002	30/11/2004	241.618.727	241.618.727	0
7	Phần mở rộng nhà sản xuất Zircon nghiền mịn (Nhà tuyển điện mới) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột BTCT vuông, vì kèo sắt V liên kết hàn, tường xây gạch cao 2,5m, trên bao che tôn khung sắt C, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	72	0010	15/12/2005	123.593.000	123.593.000	0
12	Nhà kho chứa nguyên liệu (một phần chuyển đổi thành gara xe con) - (Nhà kho 4 xưởng Huế, gian số 1 +2) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, tường xây gạch quét vôi, nền bê tông, vì kèo sắt V liên kết hàn, giằng kèo sắt V, xà gỗ sắt C, mái lợp tôn sóng màu	m ²	68,1	0016	01/01/1999	253.654.000	253.654.000	0
13	Nhà kho 2000 Tấn (Nhà kho 1, kho In) (Huế) móng cột BTCT, móng tường BTCT, cột BTCT, vì kèo sắt V liên kết hàn, xà gỗ sắt C, tường xây gạch quét vôi, cửa đi khung sắt hộp, bao che sắt tấm, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	466,1	0017	01/01/1991	274.637.300	274.637.300	0
15	Kho chứa bán thành phẩm (chuyển đổi thành Nhà văn phòng xưởng Huế + Cơ khí) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, khung cột BTCT, tường xây gạch quét vôi, cửa khung sắt kính có ô thoáng, trên cửa có khung sắt kính, nền lát gạch hoa, xà gỗ gỗ, mái lợp tôn sóng màu, có máng xối BTCT	m ²	152	0019	01/01/1993	242.380.910	242.380.910	0
16	Xưởng tuyển đãi 475m ² (Xưởng Huế)	m ²		0020,	01/01/1993	173.730.540	173.730.540	0
17	Xưởng đặt bàn đãi nước (mở rộng) (Xưởng Huế)	m ²		0021	01/01/1999	192.415.200	192.415.200	0

TT	Tên, đặc điểm tài sản	ĐVT	Số lượng	Thẻ kho	Thời điểm tăng TS	Giá trị theo sổ sách		
						Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8
17.1	Xường tuyến khoáng móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột BTCT vuông, vì kèo sắt V liên kết hàn, giằng kèo bằng sắt V, tường xây gạch quét vôi, cửa sổ bằng các lam bê tông, nền bê tông, mái lợp tôn fibro xi măng	m ²	303,5					
17.2	Mái che khu vực tuyến khoáng móng cột BTCT, cột sắt ống tròn F100, vì kèo sắt hộp liên kết hàn, xà gỗ sắt hộp, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	35,8					
17.3	Trạm bơm tuyến khoáng móng cột BTCT, móng tường xây gạch, tường xây bô, xà gỗ sắt hộp, nền xi măng, mái lợp tôn sóng màu	m ²	23					
18	Nhà xưởng tuyến khoáng (Xưởng Nghiền mịn Zircon Huế) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột sắt I, kèo sắt I và sắt V liên kết hàn, xà gỗ sắt V liên kết hàn, tường xây gạch quét vôi, trên bao che tôn khung sắt C, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	294	0022	01/08/2003	349.589.627	349.589.627	0
19	Trụ sở văn phòng Công ty 3 tầng, móng cột BTCT, móng tường xây gạch, tường xây gạch sơn silicat, cửa pano gỗ nhóm 2 kính có khung ngoại, nền lát gạch men granit, bậc cấp láng grnito, sàn mái BTCT, trên có mái tôn	m ²	702	0023	01/01/2002	1.417.450.000	1.417.450.000	0
20	Tường rào cổng ngõ trụ sở công ty	m ²	240	0024	01/01/2003	434.835.104	434.835.104	0
20.1	Trụ công xây gạch có dầm giằng BTCT, ốp đá granit 4 mặt trụ	m ³	2,413					
	Trụ công xây gạch có dầm giằng BTCT	m ³	2,413					
	Ốp đá granit 4 mặt trụ	m ²	16,52					
20.2	Bảng tên công ty xây gạch có dầm giằng BTCT, hai bên hông ốp đá granit, mặt trước ốp đá granit có gắn tên công ty, mái BTCT có dán ngói	m ³	4,4					
20.3	Cửa cổng khung sắt kiểu trượt trên ray	m ²	9					
20.4	Hàng rào mặt trước móng xây gạch, trụ BTCT, tường xây gạch ốp đá phiến, trên có khung sắt	m ²	114					
	Hàng rào xây gạch quét vôi có cửa khe thoáng cao 3m, trên có chông sắt 0,3m	m ²	128,7					
	Hàng rào xây gạch quét vôi cao 1,7m	m ²	40,8					
	Hàng rào xây gạch quét vôi cao 1,7m, trên có lưới sắt B40 khung sắt V cao 0,5m	m ²	39,6					
	Hàng rào xây gạch quét vôi cao 1,7m, trên có lưới sắt B40 khung sắt V cao 1, 2m	m ²	182,7					
	Hàng rào xây gạch	m ³	47,25					
	Hàng rào xây đá hộc	m ³	25,2					
	Phần trên hàng rào xây đá hộc khung sắt V lưới sắt B40	m ²	14,7					
	Hàng rào tường tôn khung sắt V	m ²	339,5					
	Hàng rào tường xây gạch cao 1m, trên có khung sắt V lưới sắt B40 cao 2m	m ²	282,3					
20.6	Trụ công phụ xây gạch, ốp gạch men 4 mặt trụ	m ³	0,768					
	Trụ công phụ xây gạch		0,768					
	Ốp gạch men 4 mặt trụ		7,68					
20.7	Cửa cổng khung sắt kiểu trượt trên ray	m ²	11					

TT	Tên, đặc điểm tài sản	ĐVT	Số lượng	Thẻ kho	Thời điểm tăng TS	Giá trị theo sổ sách		
						Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8
21	Nhà hội trường 2 tầng (tầng 1 cao 3m, tầng 2 cao 8m) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, tường xây gạch sơn silicat, cửa pano gỗ nhóm 2 kính có khung ngoại, cầu thang BTCT, bậc cấp cầu thang ốp đá granit, lan can cầu thang xây gạch sơn silicat, tay vịn cầu thang inox ống tròn, nền lát gạch men granit, sàn BTCT, mái lợp tôn, trần hội trường thạch cao khung chìm, trần hiên hội trường tấm nhựa	m ²	780	0025	21/06/2004	1.025.123.907	1.025.123.907	0
21.1	Gara xe con công ty móng cột BTCT, móng tường xây gạch, khung cột BTCT, tường xây gạch, cửa sắt xếp, nền láng xi măng, xà gỗ sắt hộp, mái lợp tôn	m ²	176,6	-				
21.2	Nhà để xe cột sắt ống tròn, vì kèo sắt ống tròn liên kết hàn, xà gỗ sắt hộp, nền xi măng, mái lợp tôn	m ²	182,7	-				
21.3	Nhà bóng bàn cột sắt ống tròn, vì kèo sắt V liên kết hàn, xà gỗ sắt hộp, tường bao che tôn phẳng, nền láng xi măng, mái lợp tôn	m ²	96,72	-				
22	Nhà ăn ca công ty móng cột BTCT, móng tường xây gạch, khung cột BTCT, tường xây gạch quét vôi, cửa khung nhôm kính, nền lát gạch men, xà gỗ sắt hộp, mái tôn sóng, trần tôn lạnh	m ²	105,3	0027	01/01/1992	69.472.180	69.472.180	0
23	Nhà xưởng sản xuất bột Zircon nghiền (Xưởng Huế):			0029	31/12/2003	1.607.979.412	1.607.979.412	0
23.1	Nhà tuyển điện, tuyển từ, lò sấy, tuyển nổi, móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột BTCT vuông, vì kèo sắt V liên kết hàn, giằng kèo bằng sắt tròn đặc và khung sắt V liên kết hàn, tường xây gạch quét vôi, cửa đi loại cửa cuốn tôn có motor, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	482,2					
23.2	Nhà nghiền cao 9m, móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột BTCT vuông, vì kèo sắt V liên kết hàn, giằng kèo bằng sắt tròn đặc và khung sắt V liên kết hàn, tường xây gạch quét vôi cao 6m, trên có bao che tôn khung sắt C, cửa đi loại cửa cuốn tôn có motor, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	139,8					
23.3	Kho thành phẩm Nhà tuyển điện, tuyển từ, lò sấy, tuyển nổi, móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột BTCT vuông, vì kèo sắt V liên kết hàn, giằng kèo bằng sắt tròn đặc và khung sắt V liên kết hàn, tường xây gạch quét vôi, cửa đi loại cửa cuốn tôn có motor, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	200,4					
23.4	Trạm bơm móng cột BTCT, móng tường xây gạch, tường xây gạch, xà gỗ sắt hộp, nền bê tông, mái lợp tôn sóng màu	m ²	18					
23.5	Bể nước hồi lưu tuyển khoáng xây gạch có dầm giằng BTCT, ngăn thành 04 bể lắng, sâu 1,8m	m ³	20,25					
23.6	Bể lắng thành phẩm và thải tuyển nổi xây gạch có dầm giằng BTCT, ngăn thành 02 bể lắng, 01 bể sâu 1,8m, 01 bể sâu 1m	m ³	36,9					
23.7	Đường mương thoát nước xây gạch rộng 0,6m, sâu 0,5m	m	50					
	Đáy mương bê tông	m ³	6					
	Thành mương xây gạch	m ³	15					
	Nắp mương bê tông tấm đan	m ³	1,5					

TT	Tên, đặc điểm tài sản	ĐVT	Số lượng	Thẻ kho	Thời điểm tăng TS	Giá trị theo sổ sách		
						Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7-8
23.8	Hàng rào phía sau xưởng móng xây gạch, trụ BTCT, tường xây gạch cao 3m, trên có chống sắt	m ²	75					
23.9	Hàng rào phía trước xưởng móng xây gạch, trụ BTCT, tường xây gạch cao 1,1m, trên có lưới sắt B40 cao 1,8m khung sắt V	m ²	27					
23.10	Sân bê tông chứa quặng	m ²	416					
25	Phòng kỹ thuật, phân tích (Huế) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, khung cột BTCT, tường xây gạch sơn silicat, cửa pano gỗ nhôm 2 kính có khung ngoài, nền lát gạch men granit, mái BTCT, trên có mái tôn, xà gỗ sắt hộp	m ²	148	0031	01/11/2003	331.855.727	331.855.727	0
26	Nhà xưởng sản xuất Zircon (Xưởng tuyển diện 2) (Huế) móng cột BTCT, móng tường xây gạch, cột BTCT vuông, vi kèo sắt V liên kết hàn, giằng kèo bằng sắt tròn đặc, xà gỗ sắt C, tường xây gạch quét vôi cao 1,5m, trên bao che tôn khung sắt C, nền bê tông, mái lợp tôn sóng	m ²	427,3	0032	05/05/2004	524.309.273	524.309.273	0
27	Bể chứa nước 20m ³ của xưởng nghiền mịn Zircon (Tháp chứa nước tuyển nổi) (Huế), đáy bể BTCT, thành bể xây gạch có dầm giằng BTCT	m ³	20	0033	05/05/2004	66.704.000	66.704.000	0
32	Xây dựng mở rộng Phòng thí nghiệm (Phòng xử lý và lưu mẫu - Xưởng Huế) móng xây gạch, tường xây gạch sơn silicat, cửa khung nhôm kính, nền lát gạch men granit, kết cấu đỡ mái sắt, mái lợp tôn, trần tôn	m ²	30	0207	11/05/2009	32.182.000	23.244.000	8.938.000
	TỔNG CỘNG					8.318.015.452	8.309.077.452	8.938.000

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 328/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 02 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Số 25 Ngày 7/2/18
Về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện cổ phần hóa
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp nhà nước hoàn thành cổ phần hóa theo từng năm giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy trình sắp xếp chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; các văn bản khác có liên quan về công tác cổ phần hóa;

Xét đề nghị của Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế tại Công văn số 2917/BĐM&PTDN ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch triển khai công tác cổ phần hóa và thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế với các nội dung như sau:

1. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 24 giờ ngày 31/12/2017.
2. Tiến độ thực hiện công tác cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế (Có Phụ lục tiến độ kèm theo).

Điều 2. Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm phối hợp với Ban Chỉ đạo cổ phần hóa tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện hoàn thành các bước công việc cổ phần hóa theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và tiến độ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế; Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa, Chủ tịch và Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Chỉ đạo ĐM và PTĐN;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- VPUBND tỉnh: các PCVP; CV: TN;
- Lưu: VT, DN.



CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 621.....Quyển số 07.....Nguyễn Văn Phương

08-05-2019



Dặng Thị Thanh Huyền

PHỤ LỤC
Tiến độ thực hiện công tác cổ phần hóa
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế
(Kể theo Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Nội dung và các bước công việc	Thời gian thực hiện	Cơ quan, đơn vị thực hiện
I	Bước 1. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA		
1	Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc	Hoàn thành trong tháng 02/2018	
1.1	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa tại doanh nghiệp (BCĐ CPH)		Ban Đổi mới và PTDN trình UBND tỉnh
1.2	Quyết định thành lập Tổ giúp việc cổ phần hóa tại doanh nghiệp (TGV CT)		Giám đốc (GD) Công ty lựa chọn trình BCĐ CPH quyết định
1.3	Phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cho người lao động về cổ phần hóa (CPH) và tái cơ cấu doanh nghiệp, về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp		Tổ giúp việc Ban Đổi mới và PTDN
2	Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu (theo qui định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn)	Hoàn thành trước 31/3/2018	
2.1	Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu sau đây để chuẩn bị cho việc xác định giá trị doanh nghiệp (XĐGTDN) và xây dựng Phương án CPH: - Hồ sơ pháp lý về thành lập doanh nghiệp; - Hồ sơ pháp lý tài sản, công nợ (báo cáo tổng hợp, chi tiết và biên bản đối chiếu công nợ của từng khoản nợ); - Hồ sơ vật tư hàng hóa ứ đọng, kém, mất phẩm chất; - Hồ sơ các công trình đầu tư xây		GD Công ty chịu trách nhiệm phối hợp với TGV CT và các bộ phận nghiệp vụ có liên quan tại doanh nghiệp để thực hiện

la/v

	dụng cơ bản dở dang; - Hồ sơ các khoản vốn đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp khác; - Báo cáo quyết toán tài chính năm 2017 đã kiểm toán, Báo cáo quyết toán thuế năm 2017 của Công ty; - Lập danh sách và phương án sử dụng lao động đang quản lý tới thời điểm 24 giờ ngày 31/12/2017; - Lập dự toán chi phí CPH theo chế độ quy định. - Lập phương án sử dụng đất của doanh nghiệp đang quản lý phù hợp với qui hoạch của Tỉnh		Đã hoàn thành
2.2	Lựa chọn phương pháp XDGTĐN, lựa chọn đơn vị tư vấn XDGTĐN, thời điểm XDGTĐN.		GD, TGV CT và TGV BDM đề xuất BCD CPH
2.3	Quyết định chọn đơn vị tư vấn XDGTĐN và phương pháp XDGTĐN		BCD CPH trình UBND tỉnh phê duyệt
3	Xác định giá trị doanh nghiệp	Hoàn thành trước 30/6/2018	GD Công ty chịu trách nhiệm về thời gian hoàn thành giá trị doanh nghiệp
3.1	Thời điểm XDGTĐN là 24 giờ ngày 31/12/2017		
3.2	Kiểm kê, phân loại tài sản, xử lý tài chính, đối chiếu công nợ tại thời điểm XDGTĐN	Hoàn thành trước 31/3/2018	
	- Kiểm kê, phân loại tài sản (cần dùng, không cần dùng) tại thời điểm 24 giờ ngày 31/12/2017 - Báo cáo chi tiết công nợ (kèm theo hồ sơ chi tiết và biên bản đối chiếu công nợ của từng khoản nợ tại thời điểm 24 giờ ngày 31/12/2017), phân loại công nợ (nợ thu hồi được và nợ không có khả năng thu hồi)		GD Công ty chịu trách nhiệm phối hợp với TGV CT và các bộ phận nghiệp vụ có liên quan tại doanh nghiệp để thực hiện
	- Xử lý công nợ, tài sản tại thời điểm 24 giờ ngày 31/12/2017 - Xử lý các vấn đề tài chính có liên quan khác tại thời điểm 24 giờ ngày 31/12/2017		GD Công ty chịu trách nhiệm phối hợp với TGV CT và các bộ phận nghiệp vụ có liên quan tại doanh nghiệp

			để thực hiện
	- Gửi phương án sử dụng đất cùng toàn bộ hồ sơ có liên quan đến Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt làm căn cứ để XDGTĐN		Đã hoàn thành, UBND tỉnh đã phê duyệt tại Quyết định 2635/QĐ-UBND ngày 07/11/2017
3.3	Hoàn thành Báo cáo quyết toán tài chính đã được Kiểm toán độc lập kiểm toán và quyết toán thuế với cơ quan thuế tại thời điểm 24 giờ ngày 31/12/2017 gửi Đơn vị tư vấn XDGTĐN và Sở Tài chính	Hoàn thành trước 30/4/2018	GD Công ty chịu trách nhiệm phối hợp với TGV CT để thực hiện
3.4	Hợp đồng với Đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	Hoàn thành trước 30/4/2018	GD Công ty chịu trách nhiệm
3.5	Đơn vị tư vấn định giá triển khai việc XDGTĐN tại thời điểm 24 giờ ngày 31/12/2017	Hoàn thành trước 15/6/2018	GD Công ty và Đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm
3.6	Hoàn thiện hồ sơ XDGTĐN tại thời điểm 24 giờ ngày 31/12/2017 gửi BCĐ CPH Công ty	Hoàn thành trước 25/6/2018	GD Công ty chịu trách nhiệm phối hợp TGV CT hoàn thành hồ sơ gửi BCĐ CPH
4	Thẩm tra kết XDGTĐN và công bố Quyết định XDGTĐN	Hoàn thành trước 31/7/2018	
4.1	Thẩm tra kết quả XDGTĐN; xử lý công nợ, tài sản... và các vấn đề tài chính liên quan khác loại ra khỏi GTĐN (nếu có)		TGV BDM, BCĐ CPH chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan để thực hiện
4.2	Hoàn thiện hồ sơ XDGTĐN tại thời điểm 24 giờ ngày 31/12/2017		TGV BDM chịu trách nhiệm hoàn thành hồ sơ gửi BCĐ CPH
4.3	Ban hành Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 24 giờ ngày 31/12/2015		BCĐ CPH trình UBND tỉnh phê duyệt, ra Quyết định
5	Hoàn tất phương án CPH	Hoàn thành trước 15/9/2018	
5.1	Lựa chọn Đơn vị tư vấn xây dựng Phương án CPH, tư vấn bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng và tư vấn Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần - Lựa chọn Đơn vị tư vấn - Ký Hợp đồng với Đơn vị tư vấn	Hoàn thành trước 25/6/2018	- GD công ty chịu trách nhiệm lựa chọn Đơn vị tư vấn báo cáo BCĐ để trình UBND tỉnh. - GD công ty

Lal/

5.2	Xây dựng phương án CPH	Hoàn thành trước 31/8/2018	
a	Dự thảo phương án CPH, gồm các nội dung: - Thực trạng của công ty ở thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. - Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và những vấn đề cần tiếp tục xử lý. - Hình thức cổ phần hóa và vốn điều lệ theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần. - Đề xuất tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược và lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược - Cơ cấu vốn điều lệ, giá khởi điểm và phương thức phát hành cổ phiếu theo quy định. - Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành. - Phương án sắp xếp lại lao động. - Phương án hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 - 5 năm tiếp theo. - Phương án sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		GD Công ty chịu trách nhiệm phối hợp với Đơn vị tư vấn, TGV CT, TGV BDM để thực hiện
b	Công khai Phương án cổ phần hóa		GD Công ty chủ trì phối hợp TGV CT, và Đơn vị tư vấn để thực hiện
5.3	Hoàn thiện Phương án CPH	Hoàn thành trước 05/9/2018	GD Công ty chịu trách nhiệm phối hợp với Đơn vị tư vấn, TGV CT và TGV BDM để hoàn thành trình BCD
5.4	Phê duyệt Phương án cổ phần hóa	Hoàn thành trước 15/9/2018	BCĐ CPH trình UBND tỉnh phê duyệt
II	BƯỚC 2. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	Hoàn thành trước 30/11/2018	
1	Hợp đồng với Sở Giao dịch chứng khoán (Sở GDCK) để tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng	Hoàn thành trước 20/9/2018	GD, TGV CT đề xuất gửi TGV BDM tham mưu BCD CPH trình UBND tỉnh phê duyệt

Lal

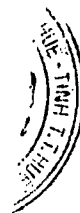
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài	Hoàn thành trong tháng 11/2018	
2.1	Ban hành Quy chế đấu giá, Bảng công bố thông tin, kế hoạch bán đấu giá,...		GD Công ty chịu trách nhiệm phối hợp với TGV CT, Đơn vị tư vấn, Sở GDCK để thực hiện, báo cáo BCD CPH quyết định.
2.2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán		Sở Giao dịch Chứng khoán phối hợp GD Công ty, TGV CT, Đơn vị tư vấn để thực hiện; BCD thực hiện giám sát.
	- Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về cuộc đấu giá cổ phần ra bên ngoài		
	- Tổ chức nhận đăng ký, thu tiền đặt cọc mua cổ phần của nhà đầu tư bên ngoài		
	- Xác định danh sách nhà đầu tư đăng ký hợp lệ		
	- Tổ chức buổi đấu giá cổ phần ra bên ngoài, xác định danh sách nhà đầu tư được mua cổ phần		
	- Thu tiền bán đấu giá cổ phần của các nhà đầu tư và chuyển về cho cơ quan nhà nước theo quy định		
3	Tổ chức bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên (CBCNV), công đoàn và cổ đông chiến lược	Hoàn thành trong tháng 11/2018	GD Công ty chịu trách nhiệm phối hợp với TGV CT, TGV BDM và BCD CPH để thực hiện
3.1	Tổ chức bán cổ phần cho CBCNV, Công đoàn		
3.2	Tổ chức bán cổ phần cho cổ đông chiến lược (nếu có)		
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần	Hoàn thành trong tháng 11/2018	
4.1	Tổng hợp và báo cáo kết quả đấu giá cổ phần		TGV CT phối hợp với TGV BDM để thực hiện, báo cáo BCD CPH
4.2	Điều chỉnh quy mô, cơ cấu cổ phần đối với trường hợp không bán hết cổ phần cho các đối tượng theo đúng phương án cổ phần hóa đã		TGV BDM báo cáo BCD CPH trình UBND tỉnh quyết định

lal

	được duyệt (nếu có)		
5	Cử người đại diện phần vốn nhà nước tham gia tại doanh nghiệp sau chuyển đổi (nếu có) và chuyển đổi công ty 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần	Hoàn thành trong tháng 11/2018	
5.1	Ban hành Quyết định cử người đại diện phần vốn nhà nước tham gia tại doanh nghiệp sau chuyển đổi (nếu có)		GD đề xuất trình UBND tỉnh. BCD CPH, Đảng ủy khối doanh nghiệp phối hợp với Sở Nội vụ trình UBND tỉnh phê duyệt
5.3	Ban hành quyết định chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần		TGV BDM dự thảo quyết định gửi BCD CPH xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt
III	Bước 3. HOÀN TẤT VIỆC CHUYỂN CÔNG TY 100% VỐN NHÀ NƯỚC THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN	Hoàn thành trong tháng 5/2019	
1	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và đăng ký doanh nghiệp	Hoàn thành trước 31/12/2018	
1.1	Lập kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thành lập		GD, TGV CT, Công ty phối hợp với TGV BDM đề xuất BCD CPH quyết định
1.2	Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và thực hiện các công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội		GD, TGV CT phối hợp với các bộ phận nghiệp vụ có liên quan
1.3	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất để thông qua Điều lệ Công ty cổ phần, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông qua phương án kinh doanh		GD, TGV CT, Công ty phối hợp với TGV BDM, BCD CPH để thực hiện
1.4	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban điều hành		HĐQT Công ty cổ phần thực hiện
1.5	Đăng ký doanh nghiệp		HĐQT Công ty cổ phần thực hiện
2	Tổ chức quyết toán chuyển đổi và bàn giao giữa doanh nghiệp và Công ty cổ phần	Hoàn thành trong tháng 5/2019	

Lal/

2.1	Lập báo cáo tài chính tại thời điểm công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần, thuê kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính; thực hiện quyết toán thuế với Cơ quan thuế, quyết toán chi phí CPH, báo cáo số tiền thu từ CPH và phương án sử dụng số tiền thu được từ CPH	Hoàn thành trong tháng 3/2019	Công ty lập báo cáo gửi BCD CPH, Sở Tài chính.
2.2	Tổ chức thẩm tra xử lý số liệu quyết toán tài chính, xác định giá trị phần vốn nhà nước, số tiền thu từ CPH, chi phí CPH và điều chỉnh vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định hiện hành	Hoàn thành trong tháng 4/2019	BCĐ CPH và Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện
2.3	Quyết định phê duyệt quyết toán tài chính; quyết toán chi phí CPH; quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư (nếu có); quyết toán số tiền thu từ CPH và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần.	Hoàn thành trong tháng 5/2019	TGV BDM phối hợp với Công ty cổ phần thực hiện báo cáo BCD CPH thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt
2.4	Nộp tiền thu từ CPH về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước; mua hoặc in tờ cổ phiếu cấp cho các cổ đông		Công ty cổ phần
2.5	Tổ chức ra mắt công ty cổ phần và thực hiện bố cáo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp xác định sẽ thực hiện niêm yết ngay trên thị trường chứng khoán thì lập bộ hồ sơ xin cấp phép niêm yết gửi Bộ Tài chính (Ủy ban chứng khoán Nhà nước)		Công ty cổ phần
2.6	Tổ chức bàn giao giữa Công ty TNHH nhà nước một thành viên và công ty cổ phần		BCĐ CPH phối hợp với Công ty để thực hiện
2.7	Hoàn thành thủ tục pháp lý về tài sản, đất đai... nhận bàn giao từ doanh nghiệp cổ phần hóa		Công ty cổ phần



lsl

BẢN SAO

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2635** /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **07** tháng 11 năm 2017

TY TNHH.NN MTV.KHOÁNG SẢN TT.HUẾ

QUYẾT ĐỊNH

ĐẾN số 186 Ngày 13/11/17 Về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 384/TTr-STNMT-QLĐĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế, chi tiết theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan có liên quan thực hiện các công việc sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ phương án sử dụng đất được phê duyệt hướng dẫn Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế thực hiện các thủ tục về đất đai.

2. Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế có trách nhiệm thực hiện thủ tục về đất đai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

08-05-2019

Nơi nhận:

- Như Điều 4
- CT và các PCVP UBND tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, ĐC.



Đang Thị Thanh Huyền

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Thọ

PHỤ LỤC
Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế
 (Đính kèm Quyết định số **2635**/QĐ-UBND ngày **07** / 11 / 2017 của UBND tỉnh)

STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m2)	Hiện trạng, nguồn gốc của khu đất	Mục đích sử dụng	Mục đích sử dụng sau Cổ phần hóa	Thời hạn thuê đất còn lại
1	Khu đất tại đường Nguyễn Gia Thiều, phường Phú Hậu, thành phố Huế	11841	Theo QĐ số 2395/QĐ-UB ngày 12/9/2000	Nhà máy sản xuất chế biến khoáng sản	Không tiếp tục thuê đất sau khi cổ phần hóa	Thuê đất đến ngày phê duyệt phương án Cổ phần hóa
2	Khu đất tại khu vực đèo mũi Né, thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc	7729	Theo QĐ số 2800/QĐ-UBND ngày 23/10/2002	Nhà máy chế biến Titan Phú Lộc	Nhà máy chế biến Titan Phú Lộc.	Đến ngày 23/10/2032
3	Khu đất tại Khu công nghiệp La Sơn, xã Lộc Sơn, huyện Phú Lộc	80950	Theo QĐ số 1734/QĐ-UBND ngày 01/8/2008	Nhà máy xi Titan	Nhà máy xi Titan	Đến ngày 01/8/2058
4	Khu đất tại phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy	19600	Theo QĐ số 2343/QĐ-UB ngày 19/7/2004	Cơ sở nghiền sản đá Granit	Cơ sở nghiền sản đá Granit	Đến ngày 19/7/2029
5	Khu đất tại thôn Kế Võ, xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang	377261.2	Theo QĐ số 2312/QĐ-UBND ngày 01/11/2013	Khai thác khoáng sản quặng Titan	Khai thác khoáng sản quặng Titan	Đến ngày 27/4/2024

STT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m2)	Hiện trạng, nguồn gốc của khu đất	Mục đích sử dụng	Mục đích sử dụng sau Cổ phần hóa	Thời hạn thuê đất còn lại
6	Khu đất tại xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà	100000	Theo QĐ số 715/QĐ-UBND ngày 15/4/2013	Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Đến ngày 10/01/2038
7	Khu đất tại xã Hương Bình, thị xã Hương Trà	50000	Theo QĐ số 1439/QĐ-UBND ngày 28/7/2015	Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường	Đến ngày 24/12/2038
8	Khu đất nằm trong khu công nghiệp Phú Bài	63387	Thuê đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp	Nhà máy nghiền mịn Zircon Phú Bài; Nhà kho Công ty	Nhà máy nghiền mịn Zircon Phú Bài; Nhà kho Công ty	Đến ngày 28/02/2049
Tổng		710,768.20				